

TỔNG CÔNG TY CP XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ  
\*\*\*\*\*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
HỢP NHẤT QUÝ 2/2011**

THÁNG 6 NĂM 2011

Đ  
Đ  
/AN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2011	01/01/2011
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.484.921.524.028</b>	<b>1.838.895.822.534</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>33.651.764.212</b>	<b>544.598.549.464</b>
1. Tiền	111		6.700.764.212	16.798.549.464
2. Các khoản tương đương tiền	112		26.951.000.000	527.800.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>49.500.000.000</b>	<b>34.530.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5	49.500.000.000	34.530.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>556.719.833.065</b>	<b>705.197.221.243</b>
1. Phải thu khách hàng	131		577.464.899.678	538.134.373.499
2. Trả trước cho người bán	132		8.754.412.367	9.528.635.770
3. Các khoản phải thu khác	135	6	11.586.368.982	157.534.211.974
4. Dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi	139		(41.085.847.962)	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>813.897.890.126</b>	<b>516.043.136.345</b>
1. Hàng tồn kho	141		813.897.890.126	516.043.136.345
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>31.152.036.625</b>	<b>38.526.915.482</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		16.024.057.065	22.874.541.986
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		9.862.881.830	14.057.541.418
3. Thuế & các khoản khác phải thu Nhà nước	154		3.491.274.021	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.773.823.709	1.594.832.078
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>677.471.058.675</b>	<b>759.490.886.366</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>4.633.333.333</b>	<b>4.633.333.333</b>
1. Phải thu dài hạn khác	218		4.633.333.333	4.633.333.333
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>490.147.420.987</b>	<b>428.496.672.915</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	35.163.106.189	34.839.557.127
- Nguyên giá	222		41.884.716.461	39.436.615.813
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.721.610.272)	(4.597.058.686)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	74.154.506.528	74.027.752.303
- Nguyên giá	228		74.221.547.639	74.056.865.639
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(67.041.111)	(29.113.336)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	380.829.808.270	319.629.363.485
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>11</b>	<b>54.143.275.968</b>	<b>54.316.283.441</b>
- Nguyên giá	241		54.572.551.920	54.530.921.417
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(429.275.952)	(214.637.976)
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>12</b>	<b>20.212.500.000</b>	<b>166.149.150.203</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	139.899.150.203
2. Đầu tư dài hạn khác	258		26.250.000.000	26.250.000.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(6.037.500.000)	-
<b>V. Lợi thế thương mại</b>	<b>260</b>	<b>14</b>	<b>2.507.454.943</b>	<b>3.343.273.257</b>
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>270</b>		<b>105.827.073.444</b>	<b>102.552.173.217</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	271		4.594.020.356	1.386.809.980
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		367.863.550	313.173.699
3. Tài sản dài hạn khác	278	13	100.865.189.538	100.852.189.538
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>			<b>2.162.392.582.703</b>	<b>2.598.386.708.900</b>

*Handwritten signature*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

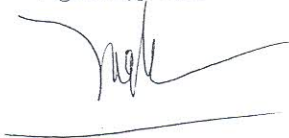
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011  
Đơn vị tính: Việt Nam đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2011	01/01/2011
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>907.448.671.471</b>	<b>1.255.060.797.970</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>630.972.095.763</b>	<b>922.139.832.487</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	15	214.646.281.003	341.500.000.000
2. Phải trả người bán	312		86.711.738.421	156.900.924.458
3. Người mua trả tiền trước	313		5.415.135.919	4.024.779.640
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	4.795.747.202	77.474.303.000
5. Phải trả người lao động	315		2.967.218.835	3.084.028.524
6. Chi phí phải trả	316		131.989.645.848	125.444.537.923
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		179.425.581.078	213.640.558.942
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		5.020.747.457	70.700.000
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>276.476.575.708</b>	<b>332.920.965.483</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333		1.299.180.987	1.299.180.987
2. Vay và nợ dài hạn	334	17	275.177.394.721	331.621.784.496
<b>B. NGUỒN VỐN</b>	<b>400</b>		<b>1.122.966.201.684</b>	<b>1.221.321.355.968</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>1.122.966.201.684</b>	<b>1.221.321.355.968</b>
1. Vốn điều lệ	411		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	414		(5.697.642.797)	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		10.729.462.313	2.077.326.587
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		10.729.462.313	2.077.326.587
5. Lợi nhuận chưa phân phối	420		107.204.919.855	217.166.702.794
<b>C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>500</b>		<b>131.977.709.548</b>	<b>122.004.554.962</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>			<b>2.162.392.582.703</b>	<b>2.598.386.708.900</b>

**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	30/6/2011	01/01/2011
1. Tài sản thuê ngoài		
2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công		
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gởi		
4. Nợ khó đòi đã xử lý		
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		

Người lập biểu



Phạm Thuý Nga

Kế toán trưởng



Vũ Thị Kim Ngân



Giám đốc

Bùi Minh Chính

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Quý 2 Năm 2011

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2/2011	Quý 2/2010	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010
1. Doanh thu thuần bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	20	245.854.434.355	4.845.583.894	342.902.698.531	125.326.710.706
2. Giá vốn	11	21	(181.095.750.492)	(4.001.871.945)	(260.731.572.478)	(93.175.328.309)
3. Lợi nhuận gộp	20		64.758.683.863	843.711.949	82.171.126.053	32.151.382.397
4. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	14.707.259.424	8.006.847.159	18.923.598.921	14.655.126.794
5. Chi phí tài chính	22		(18.639.707.182)	-	(22.574.660.486)	-
6. Chi phí bán hàng	24		(979.173.418)	(145.726.780)	(1.766.950.131)	(411.116.148)
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	23	(49.717.479.943)	(7.245.146.770)	(54.656.569.365)	(13.230.276.524)
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.129.582.744	1.459.685.558	22.096.544.992	33.165.116.519
9. Thu nhập khác	31		779.566.034	-	1.201.913.518	-
10. Chi phí khác	32		(544.940.715)	(95.056.000)	(552.238.351)	(111.619.932)
11. (Lỗ)/Lợi nhuận khác	40		234.625.319	(95.056.000)	649.675.167	(111.619.932)
12. Lợi nhuận trước thuế	50		10.364.208.063	1.364.629.558	22.746.220.159	33.053.496.587
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		(3.484.116.767)	(1.401.163.311)	(6.433.131.185)	(2.355.479.199)
14. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	52		(226.544.924)	(1.825.627.171)	54.689.851	(7.242.922.247)
15. Lợi nhuận sau thuế	60		6.653.546.372	(1.862.160.924)	16.367.778.825	23.455.095.141
- Cổ đông thiểu số			467.905.993	2.302.911	373.154.586	1.954.614
- Cổ đông của Công ty			6.185.640.379	(1.864.463.835)	15.994.624.239	23.453.140.527
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24			160	242

Người lập biểu



Phạm Thủy Nga

Kế toán trưởng



Vũ Thị Kim Ngân



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Quý 2/2011

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Quý 2/2011 (Luỹ kê)	Quý 2/2010 (Luỹ kê)
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	01	22.746.220.159	33.053.496.587
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	3.212.935.651	670.877.640
Dự phòng	03	(35.048.347.962)	
Lãi (lỗ) từ hoạt động đầu tư	05	(18.923.598.921)	(14.655.126.794)
Chi phí lãi vay	06	16.537.160.486	-
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi</b>	<b>08</b>	<b>(11.475.630.587)</b>	<b>19.069.247.433</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	195.003.738.869	23.418.120.379
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(297.854.753.781)	255.285.783.193
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(137.181.110.855)	(24.130.822.922)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	3.643.274.545	(2.734.079.162)
Tiền lãi vay đã trả	13	(15.298.989.394)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(51.752.814.346)	(2.409.622.536)
Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	15	-	(674.885.128)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	9.408.008.369	(852.870.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(305.508.277.180)</b>	<b>266.970.871.257</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(63.854.857.936)	(479.800.055.282)
Tiền thu hồi cho vay từ các công ty khác	24	(14.970.000.000)	50.000.000.000
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các công ty khác	26	139.899.150.203	103.215.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	17.677.755.780	10.812.638.686
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>78.752.048.047</b>	<b>(315.772.416.596)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		62.380.000.000
Tiền chi trả vốn góp cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu quỹ	32	(5.697.642.797)	
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	435.763.657.597	87.842.200.144
Tiền vay đã trả	34	(619.061.766.369)	
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(95.194.804.550)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(284.190.556.119)</b>	<b>150.222.200.144</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(510.946.785.252)</b>	<b>101.420.654.805</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm/kỳ	60	544.598.549.464	201.794.435.381
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm/kỳ	70	33.651.764.212	303.215.090.186

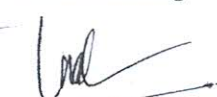
Ngày 30 tháng 6 năm 2011

Người lập biểu



Phạm Thuý Nga

Kế toán trưởng



Vũ Thị Kim Ngân



Giám đốc



Bùi Minh Chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU B 09-DN**

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty bao gồm Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ Tầng và Đô thị Dầu khí (gọi tắt là “Công ty mẹ”) và bốn công ty con, cụ thể như sau:

**Công ty mẹ**

Công ty mẹ được thành lập tại Việt Nam theo hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008269 cấp ngày 29 tháng 10 năm 2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh và các giấy chứng nhận điều chỉnh. Công ty được thành lập trên cơ sở chuyển đổi Ban Quản lý các dự án công trình xây dựng phía Nam thành Công ty cổ phần theo Nghị quyết số 2892/NQ-DK ngày 24 tháng 5 năm 2007 và Nghị quyết số 3133/NQ-DKVN ngày 31 tháng 8 năm 2007 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là PTL.

Trụ sở chính của Công ty mẹ đặt tại số 16 Trương Định, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

**Các công ty con**

Công ty có các công ty con là Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú, Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long, Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang, Công ty Cổ phần Đầu tư Tây Ninh.

Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0309612230 cấp ngày 27 tháng 11 năm 2009 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh và các giấy chứng nhận điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú tại số 16 Trương Định, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Công ty nắm giữ 89,9% quyền sở hữu và quyền kiểm soát tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú.

Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310275607 cấp ngày 25 tháng 8 năm 2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh. Trụ sở đăng ký của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long tại số 16 Trương Định, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty đăng ký góp 399.500.000.000 đồng trong tổng số vốn điều lệ 500.000.000.000 đồng của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long, tương đương với 79,9% quyền sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long.

Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sông Hồng) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 4200734936 cấp ngày 2 tháng 2 năm 2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa và các giấy chứng nhận điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang tại số 4, đường An Dương Vương, Phường Phước Tân, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam. Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang là 300.000.000.000 đồng, trong đó tỷ lệ vốn góp của Công ty là 65,38% quyền sở hữu và quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang.

Công ty Cổ phần Đầu tư Tây Ninh với tổng vốn điều lệ 80 tỷ đồng theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3900949861 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 27 tháng 12 năm 2010. Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, tỉ lệ vốn điều lệ góp của Công ty chiếm 50,1% tổng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Tây Ninh. Trụ sở đăng ký của Công ty Cổ phần Đầu tư Tây Ninh tại số 50 - đường Hoàng Lê Kha, phường 3, thị xã Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Tuy nhiên, ngày 07/7/2011 Công ty CP Đầu tư Tây Ninh đã có nghị quyết số 101/NQ-Petroland\_TN về việc giải thể Công ty.

**Hoạt động chính**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU B 09-DN**

Hoạt động chính của Công ty mẹ và các công ty con như sau:

- Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh khu dân cư, khu đô thị mới, văn phòng, cảng biển và cảng sông;
- Cho thuê kho bãi và nhà xưởng
- Tư vấn đầu tư xây dựng, tư vấn quản lý các dự án đầu tư;
- Kinh doanh bất động sản;
- Mua bán vật tư thiết bị ngành xây dựng;
- Đầu tư xây dựng, kinh doanh khách sạn
- Sàn giao dịch bất động sản

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập kết thúc niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty mẹ kiểm soát. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty được đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng thống nhất tại Công ty mẹ và công ty con. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty mẹ và công ty con được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU B 09-DN**

đồng thiếu số trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ các cổ đông thiếu số phải gánh chịu vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được ghi giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi các cổ đông này có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó không được ghi nhận.

**Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 3 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế thương mại từ việc mua các công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Dự phòng nợ phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho bao gồm chi phí xây dựng dở dang liên quan đến các dự án, các chi phí phát sinh liên quan đến dịch vụ tư vấn quản lý dự án và giá trị bất động sản xây dựng để bán trong phạm vi kinh doanh của Công ty và được phân loại là tài sản ngắn hạn. Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá trị quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng bất động sản. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập trong trường hợp giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU B 09-DN**

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	10 – 25
Phương tiện vận tải	4 – 8
Thiết bị văn phòng	3 – 5

**Thuê hoạt động**

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Công ty là bên đi thuê

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

**Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm kế toán, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Công ty có quyền sử dụng đất lâu dài tại địa chỉ 421 Nguyễn An Ninh, Phường 9, Vũng Tàu và tại địa chỉ 16 Trương Định, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất lâu dài theo quy định hiện hành.

Phần mềm kế toán được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong ba năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất, một phần của nhà, đất và cơ sở hạ tầng do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao. Các bất động sản đầu tư khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 25 năm.

**Các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn*



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU B 09-DN**

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn được ghi nhận theo giá gốc bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng và các khoản ủy thác quản lý vốn, ủy thác đầu tư theo hợp đồng ủy thác quản lý vốn và ủy thác đầu tư.

*Các khoản đầu tư tài chính dài hạn*

Đầu tư tài chính dài hạn thể hiện các khoản đầu tư dài hạn khác được xác định giá trị ban đầu theo giá gốc bao gồm các chi phí liên quan đến việc đầu tư này. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư tài chính dài hạn được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn được trích lập theo quy định hiện hành.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ.
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với các bất động sản mà Công ty bán sau khi đã xây dựng hoàn tất, doanh thu và giá vốn được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến bất động sản đã được chuyển giao sang cho người mua.

Đối với các bất động sản được bán trước khi xây dựng hoàn tất mà theo đó Công ty có nghĩa vụ xây dựng và hoàn tất dự án bất động sản và người mua thanh toán tiền theo tiến độ xây dựng và chấp nhận các lợi ích và rủi ro từ những biến động trên thị trường, doanh thu và giá vốn được ghi nhận theo tỷ lệ hoàn thành của công việc xây dựng vào ngày kết thúc niên độ kế toán. Giá vốn của các bất động sản bán trước khi xây dựng hoàn tất được xác định dựa trên chi phí thực tế phát sinh cho đất đai và chi phí xây dựng để hoàn thành bất động sản.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Các khoản dự phòng**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/6/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	1.395.165.412	1.134.887.646
Tiền gửi ngân hàng	5.305.598.800	15.663.661.818
Các khoản tương đương tiền	26.951.000.000	527.800.000.000
	<u>33.651.764.212</u>	<u>544.598.549.464</u>

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ NGẮN HẠN**

	30/6/2011	01/01/2011
	VND	VND
Các khoản tương đương tiền	49.500.000.000	34.530.000.000
	<u>49.500.000.000</u>	<u>34.530.000.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/6/2011	01/01/2011
	VND	VND
Phải thu khác	11.586.368.982	157.534.211.974
	<b>11.586.368.982</b>	<b>157.534.211.974</b>

7. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2011	01/01/2011
	VND	VND
Chung cư Petroland Quận 2	57.980.414.461	65.607.332.624
Trung tâm Thương mại Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng	239.496.588.780	267.178.132.229
Chung cư Mỹ Phú	41.886.781.448	177.759.929.146
Các công trình tư vấn quản lý dự án	9.080.586.933	5.297.901.117
Công cụ dụng cụ, chi phí dở dang khác	465.453.518.504	199.841.229
	<b>813.897.890.126</b>	<b>516.043.136.345</b>

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 1/1/2011	30.304.878.082	6.258.004.853	2.873.732.878	39.436.615.813
Tăng từ hợp nhất	-	-	-	-
Tăng trong năm	70.042.831	1.754.370.909	623.686.908	2.448.100.648
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	-
Tại ngày 30/6/2011	<b>30.374.920.913</b>	<b>8.012.375.762</b>	<b>3.497.419.786</b>	<b>41.884.716.461</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 1/1/2011	1.814.774.652	1.738.306.368	1.043.977.666	4.597.058.686
Tăng từ hợp nhất	-	-	-	-
Khấu hao trong năm	1.140.725.682	566.804.854	417.021.050	2.124.551.586
Tại ngày 30/6/2011	<b>2.955.500.334</b>	<b>2.305.111.222</b>	<b>1.460.998.716</b>	<b>6.721.610.272</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 30/6/2011	<b>27.419.420.579</b>	<b>5.707.264.540</b>	<b>1.989.354.754</b>	<b>35.116.039.873</b>
Tại ngày 1/1/2011	<b>28.490.103.430</b>	<b>4.519.698.485</b>	<b>1.829.755.212</b>	<b>34.839.557.127</b>

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 1/1/2011	73.874.097.639	182.768.000	74.056.865.639
Tăng từ hợp nhất	-	-	-
Tăng trong năm	-	164.682.000	164.682.000
Tại ngày 30/6/2011	<b>73.874.097.639</b>	<b>347.450.000</b>	<b>74.221.547.639</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 1/1/2011	-	29.113.336	29.113.336
Tăng từ hợp nhất	-	-	-
Khấu hao trong năm	-	37.927.775	37.927.775
Tại ngày 30/6/2011	-	<b>67.041.111</b>	<b>67.041.111</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 30/6/2011	<b>73.874.097.639</b>	<b>280.408.889</b>	<b>74.154.506.528</b>
Tại ngày 01/01/2011	<b>73.874.097.639</b>	<b>153.654.664</b>	<b>74.027.752.303</b>

*me*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	30/6/2011 VND	01/01/2011 VND
Dự án đường vành đai 2	5.096.522.098	5.086.518.075
Khu đô thị mới Vũng Tàu	146.001.995.652	121.871.268.022
Dự án nhà ở thương mại Trương Bình Hiệp	36.000.000.000	36.000.000.000
Dự án khách sạn Tây Ninh	2.504.230.391	-
Dự án sân Golf và Khu biệt thự sinh thái Cam Ranh	159.032.770.129	124.477.287.388
Dự án chung cư Huỳnh Tấn Phát	32.194.290.000	32.194.290.000
	<b>380.829.808.270</b>	<b>319.629.363.485</b>

11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Quyền sử dụng đất VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 1/1/2011	10.731.898.875	43.799.022.542	54.530.921.417
Tăng trong năm	41.630.503	-	41.630.503
Tại ngày 30/6/2011	<u>10.773.529.378</u>	<u>43.799.022.542</u>	<u>54.572.551.920</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 1/1/2011	214.637.976	-	214.637.976
Trích khấu hao trong năm	214.637.976	-	214.637.976
Tại ngày 30/6/2011	<u>429.275.952</u>	<u>-</u>	<u>429.275.952</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 30/6/2011	<u>10.344.253.426</u>	<u>43.799.022.542</u>	<u>54.143.275.968</u>
Tại ngày 01/01/2011	<u>10.517.260.899</u>	<u>43.799.022.542</u>	<u>54.316.283.441</u>

Bất động sản đầu tư thể hiện một phần diện tích đất và chi phí xây dựng tòa nhà 16 Trương Định, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh thuộc sở hữu của Công ty đã hoàn thành và đã được cho thuê. Nguyên giá bất động sản đầu tư được ghi nhận tương ứng với phần diện tích cho thuê. Bất động sản đầu tư là tòa nhà được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 25 năm.

Nguyên giá bất động sản đầu tư được tạm ghi nhận dựa trên chi phí thực tế phát sinh. Tại ngày lập báo cáo này, Công ty vẫn đang thực hiện việc quyết toán giá trị công trình này với cơ quan có thẩm quyền. Nguyên giá của bất động sản đầu tư này sẽ được điều chỉnh lại khi quyết toán công trình được phê duyệt.

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư vẫn chưa được xác định vì Công ty chưa thực hiện định giá những bất động sản này và không có tài sản so sánh cùng loại để xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư.

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/6/2011 VND	01/01/2011 VND
Đầu tư vào công ty con	-	139.899.150.203
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Đăng	-	139.899.150.203
Đầu tư dài hạn khác	26.250.000.000	26.250.000.000
Dự phòng giảm giá	(6.037.500.000)	-
	<u>20.212.500.000</u>	<u>166.149.150.203</u>

Vào ngày 2 tháng 10 năm 2010, Công ty đã thực hiện mua thêm 5.635.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang với giá mua là 10.752 đồng/cổ phần để nâng tỉ lệ sở hữu lên 65,38%. Nghiệp vụ mua này tạo ra khoản lợi thế thương mại cho Công ty với số tiền là 5.014.909.885 đồng. Tình hình tăng giảm lợi thế thương mại trong năm như sau:

	<u>VND</u>
<b>Nguyên giá</b>	
Tăng do mua công ty con	5.014.909.885
Tại ngày 01/01/2011	<u>3.343.273.257</u>
<b>Hao mòn lũy kế</b>	
Khấu hao trong kỳ	835.818.314
Tại ngày 30/6/2011	<u>835.818.314</u>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày 30/6/2011	<u><b>2.507.454.943</b></u>

**15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	30/6/2011	01/01/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
BaovietBank Hồ Chí Minh	95.497.422.618	341.500.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	112.348.858.385	-
	<u><b>214.646.281.003</b></u>	<u><b>341.500.000.000</b></u>

Vay và nợ ngắn hạn thể hiện các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh (“BaovietBank Hồ Chí Minh”) với thời hạn vay dưới 1 năm. Các khoản vay này được đảm bảo bằng các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại BaovietBank Hồ Chí Minh, quyền sử dụng đất của Công ty và chịu lãi suất từ 11,7% đến 16,5%/năm.

Nợ dài hạn đến hạn trả thể hiện khoản vay dài hạn đến hạn trả cho Ngân hàng Vietinbank và Bảo Việt từ 30/6/2011 đến 30/6/2012.

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	30/6/2011	01/01/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.602.256.972	52.723.489.572
Thuế giá trị gia tăng	-	23.989.476.591
Thuế nhà thầu	-	135.309.474
Thuế thu nhập cá nhân	193.490.230	626.027.363
	<u><b>4.795.747.202</b></u>	<u><b>77.474.303.000</b></u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU B 09-DN**

**17. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	30/6/2011	01/01/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
VietinBank Hồ Chí Minh	275.177.394.721	289.660.415.496
BaovietBank Hồ Chí Minh	0	41.961.369.000
	<u>275.177.394.721</u>	<u>331.621.784.496</u>

Hợp đồng tín dụng ký với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (“VietinBank Hồ Chí Minh”) ngày 7 tháng 1 năm 2010 với số tiền cho vay tối đa là 462 tỷ đồng nhằm tài trợ vốn cho dự án Trung tâm Thương mại Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng tại lô đất C6-A01 phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Khoản vay chịu lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của BaovietBank Hồ Chí Minh cộng biên độ 2,8%/ năm. Thời hạn cho vay là 7 năm, trong đó thời gian ân hạn nợ gốc là 2 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên và thời gian thu nợ là 5 năm. Thời hạn giải ngân là 2 năm kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai.

Hợp đồng tín dụng ký với BaovietBank Hồ Chí Minh ngày 05 tháng 8 năm 2010 với số tiền vay tối đa là 100 tỷ đồng. Thời hạn tối đa của khoản vay là 18 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Công ty được ân hạn nợ gốc 12 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Khoản vay chịu lãi suất 15%/năm, áp dụng trong 6 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Định kỳ điều chỉnh lãi suất 6 tháng/lần, áp dụng bằng lãi suất tiết kiệm VND thông thường kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ của BaovietBank Hồ Chí Minh tại thời điểm điều chỉnh lãi suất cộng biên độ 3%/năm. Mục đích của khoản vay là tài trợ vốn cho dự án xây dựng Chung cư Petroland tại phường Bình Trưng Đông - Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh. Kỳ hạn trả nợ gốc định kỳ hàng tháng. Khoản vay này có thời gian ân hạn là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên và số dư khoản vay trên sẽ đáo hạn thanh toán vào tháng 2 năm 2012. Khoản vay được thế chấp bằng quyền sử dụng đất của dự án và được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hiện có và sẽ hoàn thành trong tương lai của dự án.

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	<u>VND</u>
Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 100.000.000 cổ phần, 10.000 đồng/cổ phần	1.000.000.000.000
Cổ phần đã phát hành và thu tiền tại ngày 31/3//2010 100.000.000 cổ phần, 10.000 đồng/cổ phần	<u>1.000.000.000.000</u>

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 6 số 0305284081 ngày 7 tháng 6 năm 2011, vốn điều lệ của Công ty là 1 nghìn tỷ đồng được chia thành 100.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng.

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ <u>VND</u>	Lợi nhuận chưa phân phối <u>VND</u>	Quỹ đầu tư phát triển <u>VND</u>	Cổ phiếu quỹ <u>VND</u>	Quỹ dự phòng tài chính <u>VND</u>	Tổng cộng <u>VND</u>
Số dư tại ngày 01/01/2011	1.000.000.000.000	217.166.702.794	2.077.326.587	-	2.077.326.587	1.221.321.355.968
Vốn góp	-	-	-	-	-	-
Cổ phiếu quỹ	-	-	-	(5.697.642.797)	-	(5.697.642.797)
Trả cổ tức 2010	-	(100.000.000.000)	-	-	-	(100.000.000.000)
Lợi nhuận trong kỳ	-	15.994.624.239	-	-	-	15.994.624.239
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	(8.652.135.726)	8.652.135.726	-	-	-
Trích Quỹ dự phòng tài chính	-	(8.652.135.726)	-	-	8.652.135.726	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(8.652.135.726)	-	-	-	(8.652.135.726)
Số dư tại ngày 30/6/2011	<u>1.000.000.000.000</u>	<u>107.204.919.855</u>	<u>10.729.462.313</u>	<u>(5.697.642.797)</u>	<u>10.729.462.313</u>	<u>1.122.966.201.684</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU B 09-DN**

**19. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ**

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con.

Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định như sau:

	Vốn điều lệ/ Vốn thực góp VND	Vốn phân bổ cho Công ty mẹ VND	Vốn phân bổ cho cổ đông thiểu số VND	Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số %
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang	300.000.000.000	196.150.000.000	103.850.000.000	34.62
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú	174.488.000.000	157.325.000.000	17.163.000.000	9.84
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long	349.000.000.000	348.500.000.000	500.000.000	0.14
Công ty Cổ phần Đầu tư Tây Ninh	33.648.000.000	24.048.000.000	9.600.000.000	28.53

**20. DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Quý 2/2011 VND	Quý 2/2010 VND
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bất động sản	243.753.942.091	120.481.126.812
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	2.100.492.264	0
	<b>245.854.434.355</b>	<b>120.481.126.812</b>

**21. GIÁ VỐN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Quý 2/2011 VND	Quý 2/2010 VND
Giá vốn hoạt động kinh doanh bất động sản	178.223.158.472	89.173.456.364
Giá vốn cung cấp dịch vụ	2.872.592.020	0
	<b>181.095.750.492</b>	<b>89.173.456.364</b>

**22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Quý 2/2011 VND	Quý 2/2010 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng, ủy thác đầu tư, quản lý vốn	14.707.259.424	6.648.279.635
	<b>14.707.259.424</b>	<b>6.648.279.635</b>

**23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Quý 2/2011 VND	Quý 2/2010 VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.631.631.981	5.839.641.081
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	41.085.847.962	-
	<b>49.717.479.943</b>	<b>5.839.641.081</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU B 09-DN**

**24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	30/6/11	30/6/10
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	15.994.624.239	23.453.140.527
Số cổ phần phổ thông bình quân gia quyền để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	99.959.847	96.898.232
<b>Lãi trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>160</b>	<b>242</b>

**25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Công ty có các số dư sau với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ:

	30/6/2011	30/6/2010
	VND	VND
<b>Các khoản phải trả</b>		
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	160.587.520.000	-

**26. GIẢI TRÌNH KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2011**

Thực hiện thông tư 09/2010/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty xin giải trình kết quả kinh doanh hợp nhất quý 2/2011 như sau:

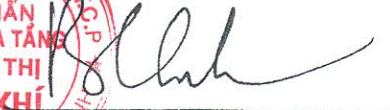
- Quý 2/2011 Công ty đạt doanh thu thuần là 255 tỷ đồng, tăng so với quý 2 năm 2010 (4,8 tỷ đồng), với lý do: đặc thù doanh nghiệp là đơn vị kinh doanh bất động sản, nên việc ghi nhận doanh thu tùy thuộc vào tiến độ các dự án; trong quý, Công ty đã ghi nhận thêm doanh thu của Dự án Chung cư Petroland Quận 2 và Dự án Chung cư Mỹ Phú, nên lợi nhuận sau thuế quý 2 năm 2011 tăng so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu không cao là do Công ty phải trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi, dự phòng giảm giá khoản đầu tư dài hạn và phải trả chi phí lãi vay đến hạn.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Phạm Thuý Nga

Vũ Thị Kim Ngân

Bùi Minh Chính